

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TBV22B2LX**

Năm học: **22-23**

Mã MH/MĐ: **MH04217**

Học kỳ: **02**

Tên MH/MĐ: **Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật**

Số TC: **4**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2256201162902	Nguyễn Trí Ân	29/10/2007				0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
2	2256201162904	Từ Chí Dũng	27/04/2007				7	7.0	8.0	6.0		7.5		7.3
3	2256201162905	Ngô Võ Thúy Duyên	20/03/2007				0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
4	2256201162906	Nguyễn Hữu Đoàn	22/04/2007				9	8.0	8.0	8.0		0.0		3.3
5	2256201162907	Trương Gia Hân	12/07/2007				9	7.0	8.0	6.0		7.5		7.4
6	2256201162910	Nguyễn Hoàng Khang	09/02/2007				0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
7	2256201162911	Trần Nhựt Khanh	10/06/2007				0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
8	2256201162912	Cao Tuệ Mẫn	08/04/2007				9	8.0	8.0	8.0		7.0		7.5
9	2256201162913	Trần Thái Nam	20/09/2007				8	8.0	6.0	5.0		6.5		6.5
10	2256201162914	Trần Kim Ngọc	13/12/2007				8	8.0	8.0	8.0		5.0		6.2
11	2256201162915	Trần Thị Kim Ngọc	05/09/2007				5	5.0	5.0	5.0		6.5		5.9
12	2256201162916	Lại Thị Tuyết Nhi	23/05/2006				5	5.0	5.0	5.0		7.5		6.5
13	2256201162917	Nguyễn Lê Hiệp Phát	23/02/2007				9	8.0	9.0	8.0		0.0		3.4
14	2256201162918	Vũ Thị Bích Phương	08/08/2007				0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
15	2256201162919	Chau Rék Smây	03/10/2007				5	6.0	8.0	6.0		5.0		5.6
16	2256201162920	Nguyễn Chí Tài	24/02/2007				9	8.0	9.0	8.0		6.0		7.0
17	2256201162921	Tô Thiện Tâm	08/09/2007				0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
18	2256201162922	Đỗ Bảo Thy	12/09/2007				8	8.0	8.0	8.0		5.5		6.5
19	2256201162923	Lê Thị Mỹ Tiên	22/11/2006				0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
20	2256201162924	Nguyễn Minh Trí	14/08/2007				9	8.0	9.0	8.0		7.0		7.6
21	2256201162926	Trần Thành Trung	24/12/2006				0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
22	2256201162927	Nguyễn Thị Ngọc Vy	11/05/2007				0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0

Châu Đốc, ngày 11 tháng 9 năm 2023

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Trần Thanh Tùng